TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-02-2020
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trạng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Kết

Ông Trần Ngọc Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 585/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019, về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hồ Bé H, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn D, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp HH, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Hồ Bé H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D chung sống với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng cách đây khoảng năm, sáu năm phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh D có quan hệ với người phụ nữ khác và tham gia đánh bạc. Hai bên gia đình có hòa giải, hàn gắn nhưng anh D chỉ hứa hẹn mà không sửa đổi, anh chị ly thân đến nay được bốn năm. Nay chị Bé H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 03 người con chung là Trần Bích T, sinh năm 1992, Trần Cẩm T, sinh năm 1994 và Trần Văn L, sinh năm 2000, hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Chị Bé H xác định không có.

Anh Trần Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh D chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT. Trong quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống không hòa hợp, anh chị ly thân đến nay khoảng 10 năm. Nay anh D đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về con chung: Anh D thống nhất lời trình bày của chị Bé H về con chung và hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Anh D xác định không có.

Anh D xin từ chối tham gia tố tụng từ ngày 18/02/2020 cho đến khi kết thúc vụ án (từ chối tham gia phiên họp, hòa giải và xét xử tại Tòa án).

Tại phiên Tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bé H, cho chị Bé H được ly hôn anh D; về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Bé H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn D có yêu cầu từ chối tham gia xét xử tại Tòa án. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị Hồ Bé H và anh Trần Văn D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện theo đúng quy định của pháp luật nên được thừa nhận là vợ chồng. Xét nguyên nhân mâu thuẫn: Mặc dù, chị Bé H và anh D trình bày không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng xét thấy anh chị đã ly thân đến nay đã nhiều năm, mỗi người đã có cuộc sống riêng, không còn có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và anh D cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của chị Bé H. Xét mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Dó đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cho chị Bé H được ly hôn anh D.

[3] Về con chung: Xét thấy, các con của chị Bé H, anh D đã trưởng thành và anh chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ: Anh chị xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bé H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hồ Bé H, cho chị Hồ Bé H được ly hôn anh Trần Văn D.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Hồ Bé H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010097 ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị Bé H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Hồ Bé H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- UBND xã TT, huyện ĐD;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Quốc Trạng